**BÀI 11 (2 tiết). NƯỚC BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG**

**( SÁCH CÁNH DIỀU)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương.

- Giải thích được hiện tượng sóng biển và thủy triều.

- Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương.

- Nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế-xã hội.

**2. Năng lực:**

**\* Năng lực chung:**

*- Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ…

**\* Năng lực chuyên biệt**:

*- Nhận thức khoa học địa lí:*

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:

> Sử dụng được bản đồ, video để xác định được sự phân bố và hoạt động của các dòng biển trên Trái Đất, cơ chế hoạt động của sóng biển, thủy triều…

> Xác định và lí giải được sự phân bố các dòng biển, hoạt động của sóng biển, thủy triều.

+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được hiện tượng sóng, thủy triều và các dòng biển.

*- Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí:

> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,…

> Biết đọc và sử dụng bản đồ.

> Sử dụng mô hình, tranh ảnh, video…

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

*- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sóng biển, thủy triều và các dòng biển.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sóng, thủy triều và các dòng biển. Hiểu được vai trò của biển, đại dương đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

**3. Phẩm chất:**

*- Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Sẵn sàng tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

*- Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia.

*- Chăm chỉ:* Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

*- Trung thực* trong học tập và đời sống.

*- Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có trách nhiệm cao trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, chủ quyền biển đảo.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định:**

**2. Kiểm tra bài cũ**:

\* Câu hỏi 1: Trình bày các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông?

\* Câu hỏi 2: Phân loại hồ theo nguồn gốc hình thành?

**Gợi ý trả lời:**

\* Câu hỏi 1:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân tố** | **Ảnh hưởng** |
| Chế độ mưa | Quy định chế độ dòng chảy sông. |
| Băng tuyết tan | Làm tăng lưu lượng dòng chảy vào mùa xuân khi băng tuyết tan nhanh. |
| Hồ, đầm | Điều tiết chế độ dòng chảy nước sông. |
| Địa hình | Độ dốc địa hình càng lớn, thời gian tập trung nước và thoát nước trên sông càng nhanh. |
| Đặc điểm đất, đá và thực vật | Các khu vực đất, đã dễ thấm nước, vỏ phong hóa dày, có nhiều thực vật che phủ thường có nguồn nước phong phú, dòng chảy điều hòa. |
| Con người | Điều tiết chế độ dòng chảy sông thông qua việc xây dựng các hồ chứa thủy điện, các công trình thủy lợi, trồng và bảo vệ rừng,… |

\* Câu hỏi 2:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại hồ** | **Nguồn gốc hình thành** | **Ví dụ** |
| Tự nhiên | Hồ móng ngựa | Do quá trình uốn khúc và đổi dòng của sông ở các vùng đồng bằng. | Hồ Tây (Hà Nội). |
| Hồ kiến tạo | Hình thành ở những vùng trũng trên các đứt gãy kiến tạo. | Các hồ ở khu vực Đông Phi. |
| Hồ băng hà | Do quá trình xâm thực của băng hà lục địa, phổ biến ở các nước vùng vĩ độ cao như Phần Lan, Ca-na-da, Liên bang Nga,… | Vùng Hồ Lớn (Ngũ Hổ) ở lục địa Bắc Mỹ. |
| Hồ miệng núi lửa | Hình thành từ các miệng núi lửa đã ngừng hoạt động. | Hồ To-ba trên đảo Su-ma-tra (In-đô-nê-xi-a) |
| Hồ nhân tạo | Do con người tạo ra. | Hồ thủy điện Hòa Bình (sông Đà) |

**3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục đích:** HS nhớ lại những kiến thức về sóng, nguyên nhân hình thành sóng; kiến thức về biển và đại dương đã học.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân: Trả lời câu hỏi “Biển lặng” dựa vào kiến thức đã được học về sóng.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu video (hình ảnh) về biển. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Thỉnh thoảng ta vẫn nghe nói “Biển lặng”. Dựa vào kiến thức đã được học và hiểu biết cá nhân hãy trả lời các câu hỏi sau: Có bao giờ biển hoàn toàn tĩnh lặng không? Nếu không vì sao?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

*Biển, đại dương bao phủ trên 70% diện tích của bề mặt Trái Đất và chứa đựng nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú. Tính chất nguồn nước và các quá trình thủy văn chủ yếu như sóng biển, thủy triều, dòng biển có những đặc trưng nào nổi bật? Vai trò của biển, đại dương đối với sự phát triển kinh tế-xã hội như thế nào?*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu một số tính chất của nước biển và đại dương**

**a) Mục đích:** HS trình bày được tính chất của nước biển và đại dương.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, làm việc theo nhóm để tìm hiểu một số tính chất của nước biển và đại dương.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **I. MỘT SỐ TÍNH CHẤT CỦA NƯỚC BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG**1. ĐỘ MUỐI CỦA NƯỚC BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG- Có nhiều chất hòa tan trong nước biển, đại dương.- Muối biển là thành phần quan trọng nhất, trong đó 77,8% là muối na-tri clo-rua.- Độ muối trung bình của nước biển, đại dương là 35‰ và thay đổi theo không gian.- Độ muối lớn nhất ở vùng chí tuyến (36,8‰), giảm đi ở xích đạo (34,5‰) và vùng cực (34‰).- Trên các đại dương có độ muối lớn hơn những vùng ven biển.2. NHIỆT ĐỘ CỦA NƯỚC BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG- Nhiệt độ trung bình trên bề mặt toàn bộ đại dương thế giới là 17,5oC.- Nhiệt độ nước biển, đại dương vào mùa hè cao hơn mùa đông, giảm dần từ vùng xích đạo về vùng cực theo độ sâu.- Ở vùng xích đạo và nhiệt đới, nhiệt độ trung bình năm ở mặt biển, đại dương phổ biến từ 26oC đến 28oC, giảm xuống còn từ 20oC đến 10oC ở vùng cận nhiệt, ôn đới và phổ biến dưới 5oC ở vùng cận cực.- Từ mặt nước biển đến độ sâu khoảng 300 m, nhiệt độ giảm mạnh nhất; từ độ sâu khoảng 3000 m trở lên, nhiệt độ rất ít thay đổi. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

\* Nhóm 1, 3: Đọc thông tin, hãy trình bày độ muối của nước biển và đại dương?

\* Nhóm 2, 4: Đọc thông tin, hãy trình bày nhiệt độ của nước biển và đại dương?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu sóng biển**

**a) Mục đích:** HS giải thích được hiện tượng sóng biển.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, làm việc theo cặp để tìm hiểu về sóng biển.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **II. SÓNG BIỂN**- Là sự dao động tại chỗ của nước biển theo chiều thẳng đứng.- Gió là nguyên nhân chủ yếu sinh ra sóng biển.- Ngoài ra, sóng cũng có thể được hình thành do động đất, núi lửa,…- Hướng và độ cao của sóng có sự phù hợp với hướng và tốc độ gió trên mặt biển, đại dương.- Sóng bị suy yếu và tan rã khi tiến vào bờ do bị ma sát với đáy biển. Đáy biển càng nông, tốc độ suy yếu và tan rã của sóng càng nhanh. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

\* Câu hỏi: Đọc thông tin, hãy giải thích hiện tượng sóng biển?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.3. Tìm hiểu thủy triều**

**a) Mục đích:** HS giải thích được hiện tượng thủy triều.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, làm việc theo cặp để tìm hiểu về thủy triều.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **III. THỦY TRIỀU**- Là sự dao động của mực nước biển, đại dương trong một ngày do lực hấp dẫn của Mặt Trăng, Mặt Trời và lực li tâm khi Trái Đất tự quay quanh trục.- Dao động thủy triều đạt giá trị lớn nhất khi Mặt Trăng, Mặt Trời tạo với Trái Đất một góc vuông. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

\* Câu hỏi: Đọc thông tin và quan sát hình 11.1, hãy:

+ Giải thích hiện tượng thủy triều?

+ Cho biết thủy triều đạt giá trị lớn nhất, nhỏ nhất khi nào? Tại sao?



**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.4. Tìm hiểu về dòng biển**

**a) Mục đích:** HS trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, làm việc theo cặp để tìm hiểu về dòng biển.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **IV. DÒNG BIỂN**- Chuyển động của dòng biển tạo thành những vòng tuần hoàn trên các đại dương và biểu hiện rõ rệt trong khoảng vĩ độ nhiệt đới, ôn đới ở hai bán cầu.- Hai bên xích đạo, các dòng biển chảy từ phía đông về phía tây, khi gặp bờ đông các lục địa, bị chuyển hướng về phía bắc (ở bán cầu Bắc), phía nam (ở bán cầu Nam) và tạo thành dòng biển nóng trên cả hai bán cầu.- Ở khoảng vĩ độ 30-40o trên cả hai bán cầu, các dòng biển chảy về phía đông, khi gặp bờ tây các lục địa, bị đổi hướng về phía nam (ở bán cầu Bắc), phía bắc (ở bán cầu Nam) và tạo thành dòng biển lạnh ở khu vực xích đạo.- Trên vùng vĩ độ cao của bán cầu Bắc, các dòng biển chuyển động rất phức tạp do phụ thuộc nhiều vào nhân tố, đặc biệt là hình thái địa hình bờ biển. - Ở vùng vĩ độ cao của bán cầu Nam, dòng biến có hướng ổn định từ tây sang đông. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

\* Câu hỏi: Đọc thông tin và quan sát hình 11.2, hãy trình bày sự chuyển động của dòng biển trên các đại dương?



**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.5. Tìm hiểu vai trò của biển, đại dương đối với sự phát triển**

**kinh tế - xã hội**

**a) Mục đích:** HS nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế-xã hội.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, làm việc theo cặp để tìm hiểu về vai trò của biển, đại dương đối với sự phát triển kinh tế-xã hội.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **V. VAI TRÒ CỦA BIỂN, ĐẠI DƯƠNG ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI**- Biển, đại dương có vai trò vô cùng quan trọng đối với xã hội loài người và ngày càng được coi trọng trong chiến lược phát triển của các quốc gia trên thế giới.+ Cung cấp tài nguyên sinh vật (hải sản, rong biển,…).+ Cung cấp tài nguyên khoáng sản (dầu mỏ, khí đốt, muối biển,…).+ Cung cấp năng lượng (sóng biển, thủy triều,…).+ Phát triển các ngành kinh tế biển (giao thông vận tải đường biển, du lịch,…). |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

\* Câu hỏi: Đọc thông tin, hãy nêu vai trò của biển và đại dương đối với sự phát triển kinh tế-xã hội?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kĩ năng trong bài học.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi 1: Tính chất của nước biển, đại dương thể hiện ở độ muối và nhiệt độ như thế nào?

**Gợi ý trả lời:**

- Độ muối của nước biển và đại dương

+ Có nhiều chất hoà tan trong nước biển, đại dương nhưng muối biển là thành phần quan trọng nhất, trong đó 77,8% là muối natri clorua.

+ Độ muối trung bình của nước biển, đại dương là 35‰ và thay đổi theo không gian.

+ Độ muối lớn nhất vùng chí tuyến (36,8%), giảm đi ở xích đạo (34,5%) và vùng cực (34%).

+ Trên các đại dương có độ muối lớn hơn những vùng ven biển.

- Nhiệt độ của nước biển và đại dương

+ Nhiệt độ trung bình trên bề mặt toàn bộ đại dương thế giới là 17,5°C.

+ Nhiệt độ nước biển, đại dương vào mùa hè cao hơn vào mùa đông, giảm dần từ vùng xích đạo về vùng cực và theo độ sâu.

+ Ở vùng xích đạo và nhiệt đới, nhiệt độ trung bình năm mặt biển, đại dương phổ biến từ 26°C đến 28°C, giảm xuống còn từ 20°C đến 10°C ở vùng cận nhiệt, ôn đới và phổ biến dưới 5°C ở vùng cận cực.

+ Từ mặt nước biển đến độ sâu khoảng 300 m, nhiệt độ giảm mạnh nhất, từ độ sâu khoảng 3000 m trở lên, nhiệt độ rất ít thay đổi.

 **d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:** Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, vận dụng kiến thức, trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi 2: Hãy phân tích một trong các vai trò của biển, đại dương đối với sự phát triển kinh tế-xã hội ở nước ta?

**Gợi ý trả lời:**

- Biển, đại dương có vai trò vô cùng quan trọng đối xã hội loài người và ngày càng được coi trọng trong chiến lược phát triển của các quốc gia trên thế giới.

- Biển Đông là biển rộng, giàu tài nguyên. Biển cung cấp nguồn tài nguyên khoáng sản giàu có cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta.

+ Tài nguyên dầu mỏ, khí tự nhiên: Tài nguyên này có đóng góp rất lớn về GDP, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và làm thay đổi bộ mặt kinh tế của vùng Đông Nam Bộ.

+ Tài nguyên muối biển: Muối biển phát triển mạnh ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ, sản xuất muối góp phần nâng cao đời sống cư dân ven biển, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mặt hàng thiết yếu trong nước,…

+ Tài nguyên cát, titan: Ở ven biển nước ta, cát và titan có nhiều ở các tỉnh Bắc Bộ rất thuận lợi phát triển các mặt hàng thủy tinh cao cấp, có khả năng xuất khẩu mang lại giá trị ngoại tệ cao.

 **d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 12. Đất và sinh quyển.

Nội dung:

+ Đất và lớp vỏ phong hóa.

+ Các nhân tố hình thành đất.

+ Khái niệm, đặc điểm và giới hạn của sinh quyển.

+ Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật.